



TỔNG ĐẠI DIỆN **invt** TẠI VIỆT NAM



BIẾN TẦN TRUNG THỂ THẾ HỆ MỚI **GD5000 Series**

 www.dattech.com.vn

 1800 6567

 Automation • Elevator Control • Solar Power & ESS • UPS

DAT

Tổng quan về



Công ty TNHH Kỹ thuật Đạt (DAT) được thành lập từ năm 2006, với hơn 15 năm hình thành và phát triển, DAT tự hào là nhà phân phối, cung cấp dịch vụ và phát triển giải pháp dẫn đầu thị trường Việt Nam trong lĩnh vực biến tần – tự động hóa, điều khiển thang máy, điện năng lượng mặt trời và lưu trữ điện - UPS. Hiện nay, DAT là đối tác chiến lược của các tập đoàn công nghệ hàng đầu như INVT, Siemens, Schneider, Geat, Canadian Solar, Sungrow, SMA.

Với đội ngũ nhân sự tận tâm, giàu kinh nghiệm và kho hàng quy mô lớn, DAT hoạt động với phương châm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, hiệu quả và giá trị nhất.



1

Tự động hóa



- Biến tần hạ thế
- Biến tần trung thế phòng nổ
- AC Servo
- PLC, HMI
- Giải pháp tự động hóa và tích hợp hệ thống



2

Điện năng lượng mặt trời & Lưu trữ điện



- Hệ thống điện mặt trời hòa lưới
- Hệ thống điện mặt trời có lưu trữ (Hybrid)
- Hệ thống điện mặt trời cho bơm nước
- Giải pháp lưu trữ điện ESS



3

Điều khiển thang máy



- Hệ thống điều khiển thang máy thế hệ mới EC3000 series
- Biến tần chuyên dụng điều khiển cửa thang máy EC20



4

UPS



- Single Phase UPS
- Modular Online UPS
- 3:3 Standalone UPS

HỆ SINH THÁI DAT GIA TĂNG SỰ HIỆU QUẢ



ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC

invit

SIEMENS

Schneider
Electric

GEA
ELEVATORS

CanadianSolar

SUNGROW

SMA

“

DAT luôn hoạt động trên nền tảng triết lý “Nhân - Quả” với phương châm “Thỏa mãn mong đợi của bạn” cùng hệ giá trị cốt lõi “Cam kết – Chia sẻ - Tận tâm – Sáng tạo”, tất cả những nỗ lực, tâm huyết của tập thể đội ngũ DAT đều hướng tới việc “Gia tăng sự hiệu quả” cho khách hàng và đối tác, giúp khách hàng và đối tác tối đa hóa lợi nhuận và lợi thế cạnh tranh trong hoạt động đầu tư, sản xuất và kinh doanh. ”

Tổng Giám đốc DAT

600.000

Sản phẩm
được bán ra

10.000+

Khách hàng,
đối tác

10.000

Bộ biến tần
luôn có sẵn

380+

Nhân sự tài năng

15+

Năm kinh nghiệm

24/7

Tổng đài hỗ trợ

3

Trung tâm
bảo hành sản phẩm

Về Tập đoàn **invt**

INVT là Tập đoàn quốc tế công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất biến tần, thiết bị tự động hóa, điều khiển thang máy, điện năng lượng mặt trời, UPS và hệ thống điều khiển động cơ cho tàu điện cao tốc, xe điện sử dụng năng lượng sạch.

16

Công ty thành viên

9

Nhà máy sản xuất

12

Trung tâm R&D

750

Kỹ sư R&D

8

Chi nhánh trên thế giới

850+

Bằng sáng chế

60

Sản phẩm được bán trên 60 quốc gia



INVT phân phối sản phẩm tại 60 quốc gia trên thế giới

- Biến tần hạ thế - trung thế - phòng nổ, AC servo, PLC, HMI, UPS, Hệ thống bù cosφ trung thế iSVG.
- Biến tần bơm năng lượng mặt trời, Hybrid Solar Inverter & Bộ inverter hòa lưới năng lượng mặt trời iMars.
- Hệ thống điều khiển thang máy. Hệ thống robot, Hệ thống điều khiển động cơ cho tàu điện cao tốc - xe ô tô điện - xe bus điện, trạm sạc thông minh cho xe điện...



Industry Automation



Network Power



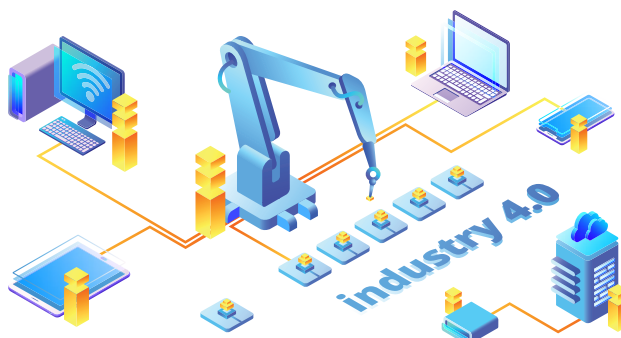
New Energy Vehicle



Rail Transit

Công nghiệp 4.0 - Xu hướng tăng trưởng xanh và bền vững

INVT đẩy mạnh phát triển công nghệ điện toán đám mây, vạn vật kết nối internet (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), robot và Big Data nhằm đáp ứng nhu cầu năng lượng điện và sản xuất thông minh trong nền công nghiệp 4.0, cùng sự phát triển kinh tế toàn cầu tăng trưởng xanh & bền vững.

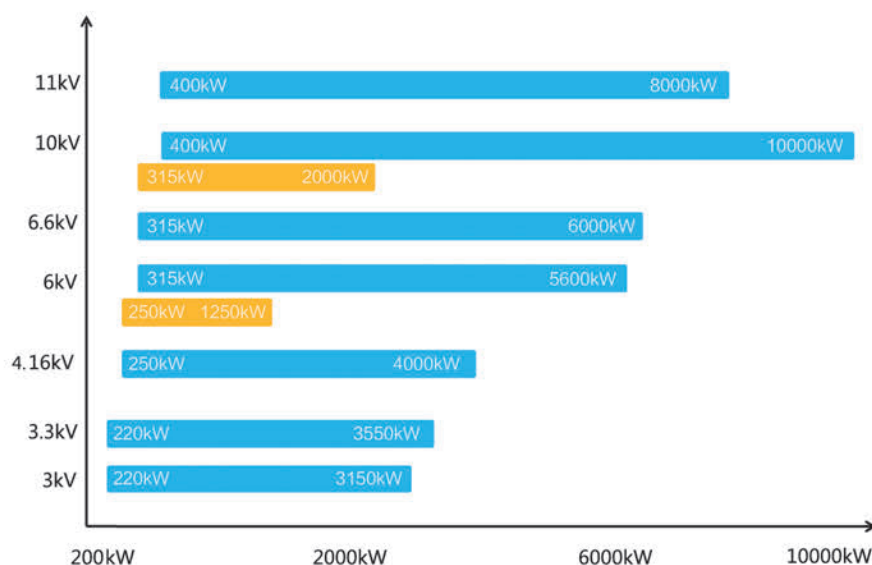




Giới thiệu sản phẩm

Biến tần trung thế GD5000 ứng dụng cấu trúc module giảm thiểu thời gian bảo trì, công nghệ đa lõi DSP+ARM+FPGA và công nghệ điều khiển vector không gian SVPWM cho kết quả điều khiển tốc độ chính xác, đáp ứng nhanh, mô-men lớn, thuật toán tiết kiệm năng lượng và nhiều tính năng chuyên dụng cho động cơ trung thế đồng bộ và không đồng bộ. Biến tần trung thế GD5000 đã được ứng dụng cho quạt, bơm, máy nén, băng tải, tời, máy nghiền và các loại tải khác.

Dải công suất sản phẩm



Hoạt động ở góc 2 phần tư

Hoạt động ở góc 4 phần tư

Ứng dụng

Năng lượng

Quạt ID, Quạt FD, quạt sơ cấp, quạt thứ cấp, bơm nước, bơm tuần hoàn, bơm ngưng tụ, bơm vữa...



Khai khoáng

Quạt thông gió chính, bơm nước, băng tải than, quạt thổi khí, bơm trung gian, tời nâng hạ, bơm hút, máy nén khí...



Luyện kim

Quạt thổi lò cao, quạt thiêu kết, bơm tuần hoàn, trục cán, quạt buồng đốt, quạt bụi...



Dầu khí

Bơm đường ống chính, bơm giếng dầu, bơm flo, bơm trung gian, bơm tuần hoàn, bơm tăng áp, máy nén khí.



Xi măng

Quạt gió nóng, quạt thải khí lò, quạt lọc bụi, trục nghiền, máy nghiền bi ...



Cơ sở hạ tầng

Bơm chìm, bơm nước sạch, bơm nước thải, máy thổi oxy...



Hóa chất

Máy nén nitơ, quạt khí ga, bơm tuần hoàn, máy nén CO2.



Khác

Ngành Dược phẩm và ngành giấy: quạt và máy bơm nước.
Ngành mía đường: máy nạp và máy ép.
Ngành cao su và nhựa: máy trộn.



Cấu trúc sản phẩm

Quạt tản nhiệt

- Thương hiệu nổi tiếng, độ tin cậy cao, lưu lượng gió lớn và độ ồn thấp

Khoang Cell Công Suất

- Mỗi bộ Cell công suất là một bộ chuyển đổi AC-DC-AC một pha điện áp hạ thế.
- Thiết kế dạng mô-đun, các bộ Cell công suất đều có thể thay thế cho nhau.



Màn hình cảm ứng

- Màn hình TFT LCD, hình ảnh sắc nét.
- Giao diện thân thiện, dễ vận hành.



Khoang biến áp

- Áp dụng biến áp dịch pha để chỉnh lưu đa xung giúp cải thiện dạng kế dạng sóng dòng điện ở phía lưới và giảm tác động sóng hài cho điện lưới một cách hiệu quả.
- Được trang bị bộ điều khiển nhiệt độ để theo dõi trạng thái thời gian thực của máy biến áp và đảm bảo vận hành an toàn.

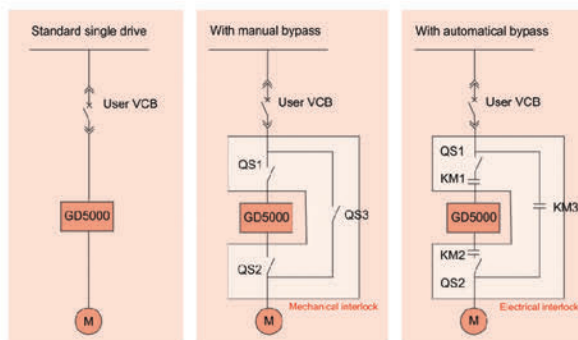


Khoang điều khiển

- Công nghệ điều khiển 3 nhân DSP + FPGA + ARM, độ chính xác cao và tốc độ phản hồi nhanh.
- Hệ thống truyền dữ liệu bằng cáp quang cho tốc độ nhanh và khả năng chống nhiễu mạnh mẽ giữa bộ điều khiển và các cell công suất.

Giải pháp Hệ thống bypass

- Bypass bằng tay cần lắp thêm tủ GD5000-MS
- Bypass tự động cần lắp thêm tủ GD5000-AS



Tính năng sản phẩm

1 Hỗ trợ 3 chế độ điều khiển động cơ

V/F hiệu suất cao

Chế độ điều khiển động cơ hỗ trợ nhiều đường cong đặc tuyến điều khiển khác nhau.

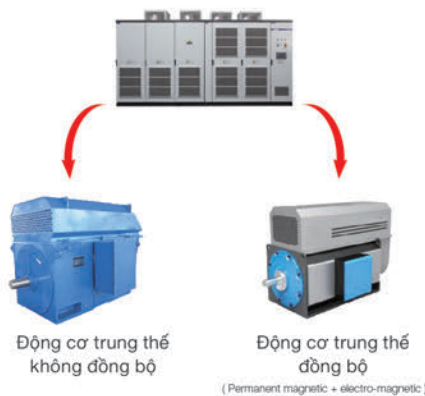
Vector vòng hở

Chế độ điều khiển chính xác cao và không cần cảm biến phản hồi tốc độ.

Vector vòng kín

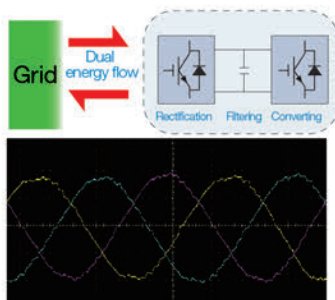
Chế độ điều khiển chính xác cực cao, hỗ trợ loại encoder tương đối.

2 Điều khiển 2 loại động cơ



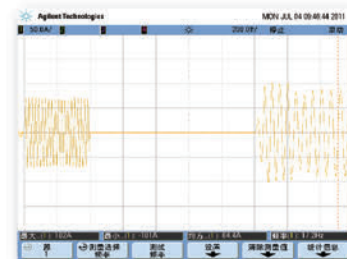
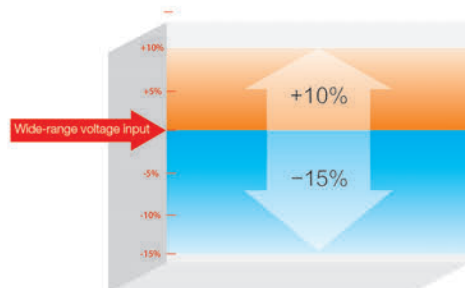
3 Công nghệ tái sinh năng lượng (4-quadrants)

- Các bộ cell công suất sử dụng IGBT để chỉnh lưu, đạt được dòng năng lượng kép, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.
- Với khả năng trả về đầy đủ 100% nguồn năng lượng.



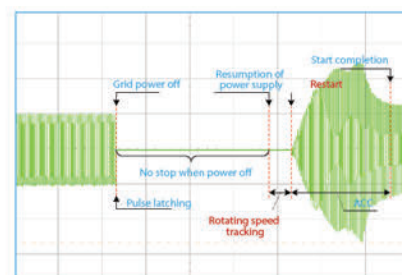
4 Khả năng hoạt động khi điện áp thấp với công nghệ LVRT

- Khả năng hoạt động với dải điện áp rộng. Hệ thống có chức năng AVR (điều chỉnh điện áp tự động) đáp ứng môi trường điện lưới khắc nghiệt.
85% -110% đầu ra đầy tải
65% -85% giảm tải đầu ra
110% -120% giảm tải đầu ra
- Không dừng khi nguồn trung thế ngắt tức thời. Trong quá trình chạy, hệ thống sẽ không dừng sau lưới điện trung thế của người dùng mất nguồn trong thời gian cho phép (0-5 giây). Có thể đạt lại giá trị cài đặt cũ nếu điện áp được khôi phục trong vòng 0,1-1 giây sau khi tắt nguồn.



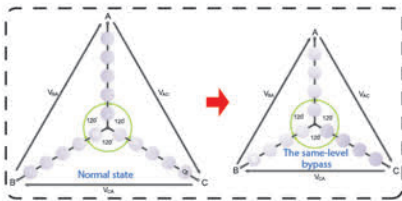
5 Khởi động với chức năng bắt tốc độ toàn giải

- Khi biến tần được khởi động trong điều kiện không xác định được trạng thái chạy của động cơ, hệ thống có thể theo dõi chính xác tốc độ và hướng quay hiện tại của động cơ, đồng thời điều khiển điện áp đầu ra phù hợp, để nhận diện điểm xuất phát và giám sát động đến lưới điện.

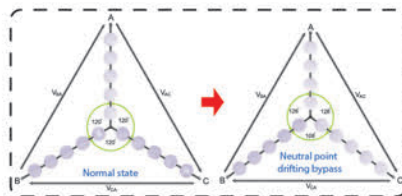


6 Công nghệ bypass cell công suất

- Bypass cùng cấp. Khi một cell công suất bị lỗi, hệ thống có thể tự động bypass cell tương ứng trên mỗi pha, sẽ phù hợp với những trường hợp có thể giảm công suất đầu ra.

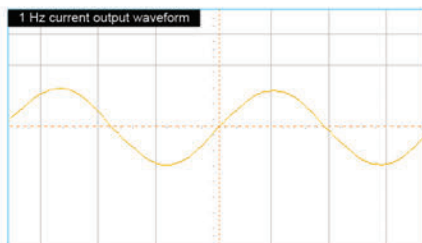


- Bypass dịch chuyển điểm trung tính. Chỉ bypass các cell bị lỗi. Với giải thuật đặc biệt đảm bảo cân bằng phase ngõ ra ở mức công suất cao nhất.



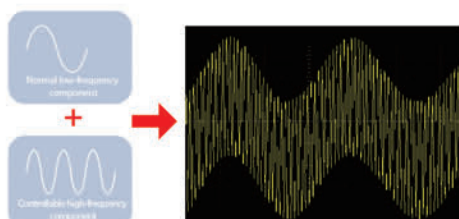
7 Công nghệ điều khiển xuất sắc vùng tần số thấp

- Công nghệ tiên tiến phục hồi các vùng tần số chết. Dạng sóng tần số thấp rất tốt đạt gần dạng sin chuẩn. Thuật toán tối ưu hóa triệt tiêu dao động tần số thấp không cộng hưởng tần số động cơ.



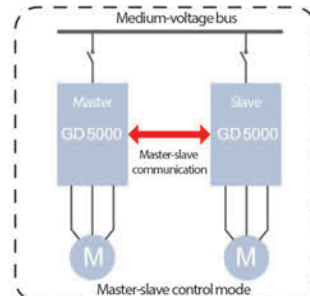
8 Công nghệ hãm bằng tần số kép

- Bằng phương pháp chèn tần số cao lên điện áp đầu ra, một mô-men hãm lớn được tạo ra làm giảm đáng kể thời gian hãm của động cơ.

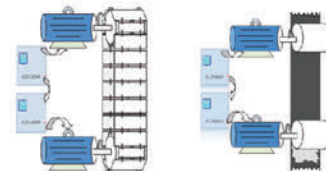


9 Công nghệ điều khiển Master-Slave

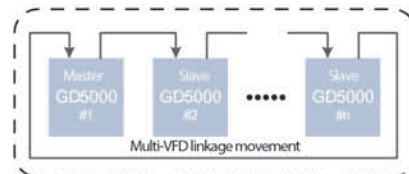
- Với giải pháp hệ thống đa động cơ giúp nhận diện và điều khiển phối hợp nhiều động cơ, cân bằng tải và tối ưu công suất.



- Tải có thể được kết nối cố định hoặc linh hoạt.

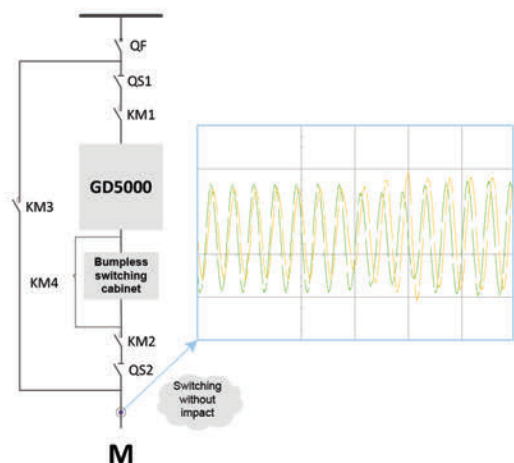


- Kết nối cáp quang. Hỗ trợ lên đến 16 động cơ ở chế độ Master-Slave và có thể thiết lập động cơ Master một cách linh động.



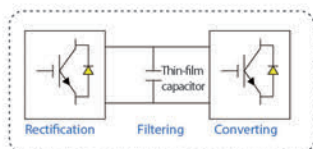
10 Khả năng chuyển mạch đồng bộ

- Với công nghệ "khóa pha tần số" và đồng bộ tần số cao cho khả năng chuyển đổi linh hoạt giữa nguồn biến tần và nguồn điện lưới.
- Ứng dụng cho việc điều khiển một biến tần khởi động nhiều động cơ công suất lớn.



11 Tùy chọn tụ điện thin-film có tuổi thọ và hiệu suất cao

- Chịu được điện áp trung thế và khả năng chịu cách điện rất cao.
- ESR thấp (điện trở loạt tương đương) và chống dòng điện gợn sóng rất mạnh.
- Khả năng chống xung tốt và độ tin cậy cao.
- Hao phí rất thấp, ít sinh nhiệt và bền bỉ.



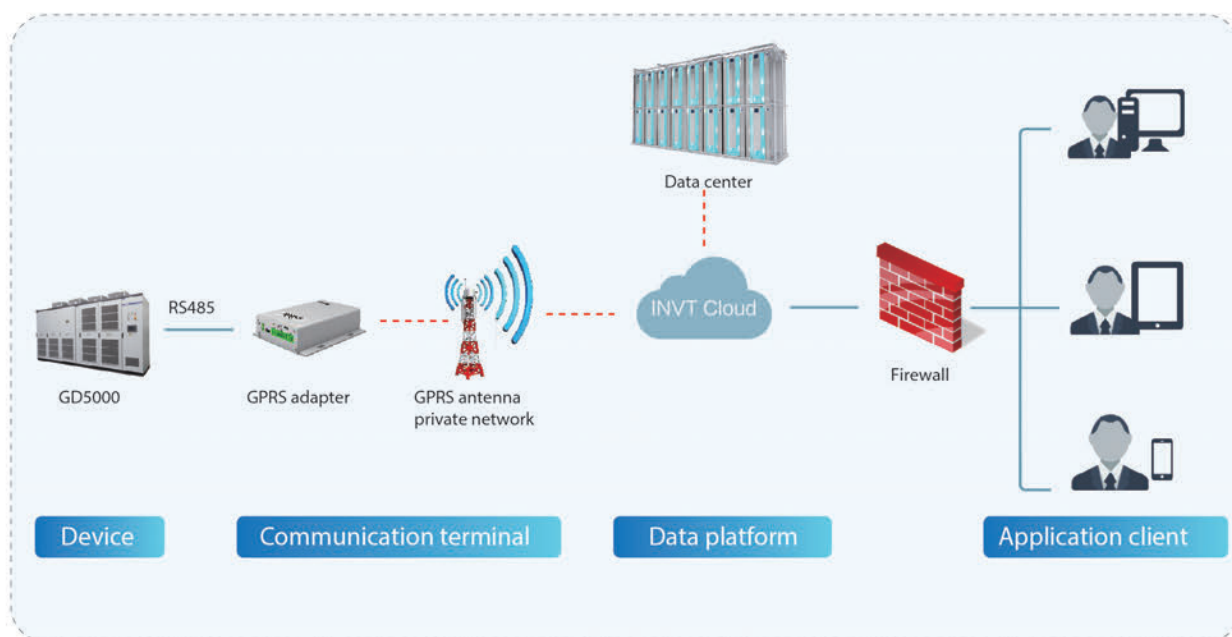
12 Kết nối truyền thông đa dạng

- Hỗ trợ nhiều loại chuẩn truyền thông bao gồm: Modbus-RTU, Profibus-DP, Profinet và UDP/IP. Có Khả năng kết nối linh hoạt với hệ thống DCS của người dùng và thực hiện giám sát điều khiển thiết bị.



13 Nền tảng IOT Cloud

- Giám sát từ xa: giám sát thời gian thực các trạng thái và dữ liệu hoạt động thông qua máy tính, điện thoại hoặc máy tính bảng.
- Quản lý thiết bị: thiết lập quản lý các dữ liệu và báo cáo các dữ liệu cho mỗi thiết bị.
- Chức năng cảnh báo: cảnh báo thông tin lỗi tới người vận hành bằng SMS.
- Phân tích lỗi từ xa: nhà cung cấp có thể hỗ trợ phân tích lỗi và khắc phục lỗi trong thời gian ngắn nhất.

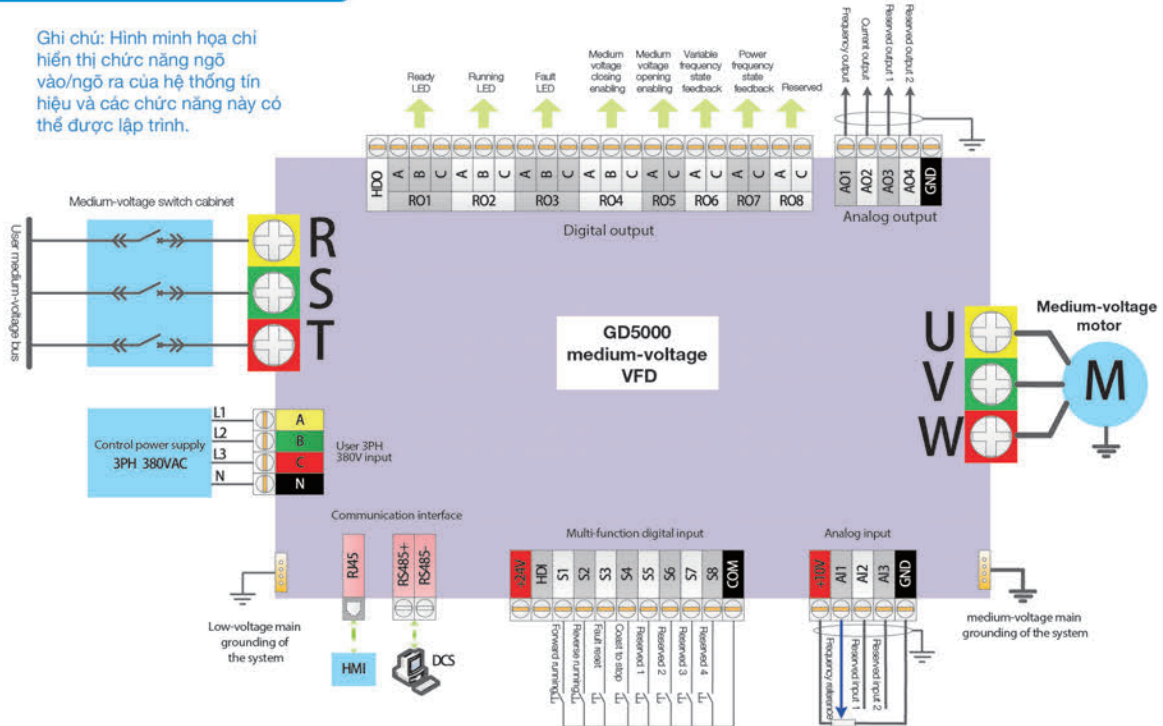


Đặc tính kỹ thuật

Mục		Thông số hoạt động ở 2 góc phần tư							Thông số hoạt động ở 4 góc phần tư	
Đầu vào	Điện áp danh định đầu vào	AC 3PH							AC 3PH	
		3kV	3.3kV	4.16kV	6kV	6.6kV	10kV	11kV	6kV	10kV
	Số xung	18	18	24	30	36	48	54	30	48
	Dải dao động điện áp	-15 % ~ + 10 % (hỗ trợ tối đa: -35% ~ +20%, giảm tải ở đầu ra)								
	Tần số đầu vào	50/60Hz; ±5%								
	Hệ số công suất đầu vào	≥ 0.97 (đầy tải)								
	Hiệu suất hệ thống	Hiệu suất chuyển đổi ≥98%, hiệu suất hệ thống ≥96% (đầy tải)								
Đầu ra	Tổng độ méo sóng hài dòng điện (THD)	≤ 4%			≤ 2%			≤ 4%		
	Điện áp đầu ra	0 ~ điện áp định mức đầu vào								
	Tần số đầu ra	0~120Hz (tùy chỉnh)								
Kiểm soát hiệu suất	Tổng độ méo sóng hài dòng điện (THD)	≤ 4%			≤ 2%			≤ 4%		
	Chế độ điều khiển	V/F; SVC; VC								
	Độ phân giải điều chỉnh tốc độ	1:50 (VF); 1:100 (SVC); 1:200 (VC)								
	Độ chính xác điều khiển tốc độ	±1% (VF); ±0.4% (SVC); ±0.2% (VC)								
	Đáp ứng Mô-men	<200ms (SVC); < 100ms (VC)vv								
	Mô-men khởi động	0.5Hz 150% mô-men định mức (SVC); 0Hz 180% mô-men định mức (VC)								
	Khả năng quá tải	120%: 120s; 150%: 5s; 200%: bảo vệ ngay lập tức								
	Thời gian tăng/giảm tốc	0-3600s (tùy chỉnh)								
	Chế độ kiểm soát phản hồi	Không							Công nghệ điều khiển chỉnh lưu đồng bộ	
Tín hiệu I/O	Khả năng hãm tái sinh	Không							100%, công suất phản hồi tối đa của biến tần bằng với công suất đầu ra tối đa	
	Ngõ vào số	8 kênh ngõ vào số (có thể mở rộng và lập trình)								
	Ngõ ra số	8 kênh ngõ ra Relay (có thể mở rộng và lập trình)								
	Ngõ vào Analog	3 kênh: AI1, AI2: 0~10V/0~20mA; AI3: -10V~10V								
	Ngõ ra Analog	4 kênh: AO1, AO2, AO3, AO4: 0~10V/0~20mA								
	Ngõ vào xung tốc độ cao	1 kênh 50kHz								
Chức năng bảo vệ	Ngõ ra xung tốc độ cao	1 kênh 50kHz								
	Bảo vệ hệ thống	Quá dòng, quá áp, quá tải động cơ, quá tải biến tần, mất pha, quá nhiệt, lỗi bộ điều khiển nhiệt độ, lỗi truy cập, lỗi truyền thông, v.v.								
	Bảo vệ cell công suất	Thiếu áp, quá áp, mất nguồn, quá nhiệt, mất pha đầu vào, lỗi VCE, lỗi nguồn điện, lỗi truyền thông, lỗi Bypass, v.v.								
Tính năng khác	HMI	Màn hình cảm ứng								
	Kết nối truyền thông	Hỗ trợ Modbus(RS485), Profibus, Profinet và Ethernet								
	Phương pháp lắp đặt	Được lắp vào tủ								
	Cấp bảo vệ	IP30 (có tùy chọn khác)								
	Độ ồn	≤75dB								
	Đường cáp điện vào và ra	Vào và ra từ đáy tủ điện, các cấu hình khác theo yêu cầu								
	Làm mát	Làm mát bằng gió cưỡng bức								
	Nguồn điện điều khiển	AC 380V±10% (có tùy chọn khác)								
	MTBF	100000h								
	Nhiệt độ môi trường làm việc	- 5°C ~ +40°C, giảm công suất 1.5% cho một 1°C nếu nhiệt độ cao hơn 40°C và nhiệt độ tối đa là 50°C; chạy không tải nếu nhiệt độ đạt 60°C								
	Độ ẩm môi trường làm việc	5%~95%, không ngưng tụ								
	Độ cao	Dưới 1000m so với mực nước biển; giảm hiệu suất 1% với mỗi độ cao thêm 100 mét trong trường hợp trên 1000m								
Bảo quản	Tránh bụi, nắng chiếu trực tiếp, gas, dầu hoặc hơi nước nóng có khả năng gây nổ hoặc ăn mòn									
Độ rung	dưới 0.59g									

Terminal tiêu chuẩn

Ghi chú: Hình minh họa chỉ hiển thị chức năng ngõ vào/ngõ ra của hệ thống tín hiệu và các chức năng này có thể được lập trình.



Lựa chọn mã sản phẩm

GD5000-A□□□□-□□-XXXX

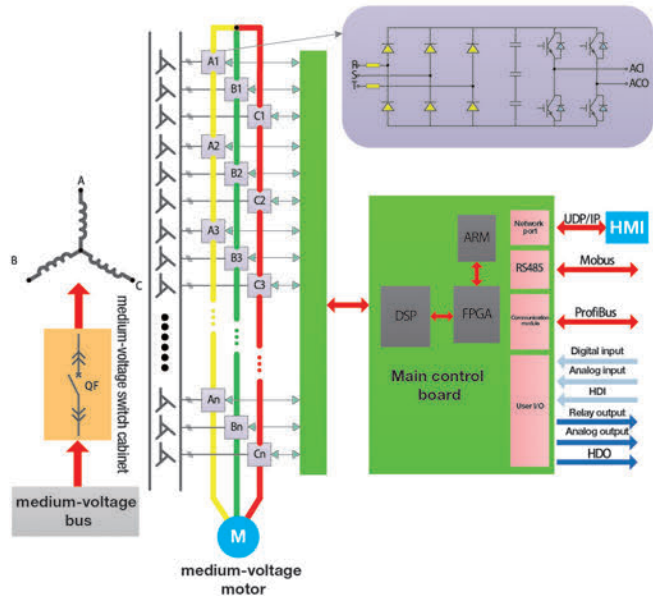
① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧

①	Dòng sản phẩm	GD5000: Biến tần trung thế hiệu suất cao
②	Loại sản phẩm	A: Động cơ không đồng bộ (AM) B: Động cơ đồng bộ (SM)
③	Công suất	0500: 500kVA
④	Điện áp	03: 3kV 3.3: 3.3kV 4.16: 4.16kV 06: 6kV 10: 10kV 11: 11kV
⑤	Mã số	D: Loại tủ 2 mặt cửa tủ S: Loại tủ mặt cửa tủ phía trước L: Loại tích hợp nhỏ gọn
⑥	Mã số	R: Có hàm tái sinh X: Mặc định
⑦	Mã số	C: Hệ thống bypass với khởi động từ X: Mặc định
⑧	Mã số	Mã số đặc biệt cho sản phẩm đặc biệt.

Ví dụ:

GD5000-A3150-06-D là dòng sản phẩm biến tần trung thế GD5000, sử dụng cho động cơ không đồng bộ, có công suất là 3150kVA, loại tủ 2 mặt cửa tủ và hoạt động không có hàm tái sinh.

Cấu tạo hoạt động ở góc 2 phần tư



Bảng lựa chọn hoạt động ở 2 góc phần tư

3kV series

Mã biến tần	Công suất định mức (kW)	Dòng ra định mức (A)	Kích thước W*D*H (mm)	Khối lượng (kg)
GD5000-A0280-03-S	220	54	3200X1200X2720	2416
GD5000-A0315-03-S	250	61	3200X1200X2720	2466
GD5000-A0355-03-S	280	68	3200X1200X2720	2506
GD5000-A0400-03-S	315	77	3800X1200X2720	2731
GD5000-A0450-03-S	355	87	3800X1200X2720	2881
GD5000-A0500-03-S	400	96	3800X1200X2720	2961
GD5000-A0560-03-S	450	108	4000X1200X2720	3149
GD5000-A0630-03-S	500	121	4000X1200X2720	3299
GD5000-A0710-03-S	560	137	4000X1200X2720	3349
GD5000-A0800-03-S	630	154	4000X1200X2720	3549
GD5000-A0900-03-S	710	173	4000X1200X2720	3790
GD5000-A1000-03-S	800	192	4000X1200X2720	3890
GD5000-A1120-03-S	900	216	4000X1200X2720	4030
GD5000-A1250-03-S	1000	241	4000X1200X2720	4380
GD5000-A1400-03-D	1120	269	5000X1500X2820	5560
GD5000-A1600-03-D	1250	308	5000X1500X2820	5810
GD5000-A1800-03-D	1400	346	5400X1500X2820	6710
GD5000-A2000-03-D	1600	385	5400X1500X2820	7010
GD5000-A2240-03-D	1800	431	5800X1500X2820	7760
GD5000-A2500-03-D	2000	481	5800X1500X2820	8160
GD5000-A2800-03-D	2240	539	5800X1500X2820	8860
GD5000-A3150-03-D	2500	609	5800X1500X2820	9300
GD5000-A3550-03-D	2800	722	5800X1500X2820	10160

3.3kV series

Mã biến tần	Công suất định mức (kW)	Dòng ra định mức (A)	Kích thước W*D*H (mm)	Khối lượng (kg)
GD5000-A0280-3.3-S	220	49	3200X1200X2660	2283
GD5000-A0315-3.3-S	250	55	3200X1200X2720	2416
GD5000-A0355-3.3-S	280	62	3200X1200X2720	2466
GD5000-A0400-3.3-S	315	70	3200X1200X2720	2506
GD5000-A0450-3.3-S	355	79	3800X1200X2720	2731
GD5000-A0500-3.3-S	400	87	3800X1200X2720	2881
GD5000-A0560-3.3-S	450	98	3800X1200X2720	2961
GD5000-A0630-3.3-S	500	110	4000X1200X2720	3149
GD5000-A0710-3.3-S	560	124	4000X1200X2720	3299
GD5000-A0800-3.3-S	630	140	4000X1200X2720	3349
GD5000-A0900-3.3-S	710	157	4000X1200X2720	3549
GD5000-A1000-3.3-S	800	175	4000X1200X2720	3790
GD5000-A1120-3.3-S	900	196	4000X1200X2720	3890
GD5000-A1250-3.3-S	1000	219	4000X1200X2720	4030
GD5000-A1400-3.3-S	1120	245	4000X1200X2720	4380
GD5000-A1600-3.3-D	1250	280	5000X1500X2820	5560
GD5000-A1800-3.3-D	1400	315	5000X1500X2820	5810
GD5000-A2000-3.3-D	1600	350	5400X1500X2820	6710
GD5000-A2240-3.3-D	1800	392	5400X1500X2820	7010
GD5000-A2500-3.3-D	2000	437	5800X1500X2820	7760
GD5000-A2800-3.3-D	2240	490	5800X1500X2820	8160
GD5000-A3150-3.3-D	2500	551	5800X1500X2820	8860
GD5000-A3550-3.3-D	2800	620	5800X1500X2820	9650
GD5000-A4000-3.3-D	3150	722	5800X1500X2820	10200

4.16kV series

Mã biến tần	Công suất định mức (kW)	Dòng ra định mức (A)	Kích thước W*D*H (mm)	Khối lượng (kg)
GD5000-A0315-4.16-S	250	44	3600X1200X2720	3405
GD5000-A0355-4.16-S	280	49	3600X1200X2720	3455
GD5000-A0400-4.16-S	315	56	3600X1200X2720	3638
GD5000-A0450-4.16-S	355	62	3600X1200X2720	3718
GD5000-A0500-4.16-S	400	69	3600X1200X2720	3798
GD5000-A0560-4.16-S	450	78	4200X1200X2720	4053
GD5000-A0630-4.16-S	500	87	4200X1200X2720	4353
GD5000-A0710-4.16-S	560	99	4200X1200X2720	4483
GD5000-A0800-4.16-S	630	111	4600X1200X2720	4743
GD5000-A0900-4.16-S	710	125	4600X1200X2720	5093
GD5000-A1000-4.16-S	800	139	4600X1200X2720	5243
GD5000-A1120-4.16-S	900	155	4600X1200X2720	5593
GD5000-A1250-4.16-S	1000	173	4600X1200X2720	5975
GD5000-A1400-4.16-S	1120	194	4600X1200X2720	6425
GD5000-A1600-4.16-S	1250	222	4600X1200X2720	6865
GD5000-A1800-4.16-S	1400	236	4600X1200X2720	7515
GD5000-A2000-4.16-D	1600	278	5000X1500X2820	8910
GD5000-A2240-4.16-D	1800	311	5000X1500X2820	9410
GD5000-A2500-4.16-D	2000	347	5400X1500X2820	10860
GD5000-A2800-4.16-D	2240	389	5400X1500X2820	11510
GD5000-A3150-4.16-D	2500	437	5800X1500X2820	13210
GD5000-A3550-4.16-D	2800	493	5800X1500X2820	14110
GD5000-A4000-4.16-D	3150	555	5800X1500X2820	15010
GD5000-A4500-4.16-D	3550	624	6200X1500X2820	16000
GD5000-A5000-4.16-D	4000	722	6200X1500X2820	17010

6kV series

Mã biến tần	Công suất định mức (kW)	Dòng ra định mức (A)	Kích thước W*D*H (mm)	Khối lượng (kg)
GD5000-A0400-06-S	315	38	3800X1200X2660	2965
GD5000-A0500-06-S	400	48	3800X1200X2660	3035
GD5000-A0560-06-S	450	54	3800X1200X2660	3170
GD5000-A0630-06-S	500	61	3800X1200X2660	3320
GD5000-A0710-06-S	560	68	3800X1200X2660	3370
GD5000-A0800-06-S	630	77	4400X1200X2660	3635
GD5000-A0900-06-S	710	87	4400X1200X2660	3785
GD5000-A1000-06-S	800	96	4400X1200X2660	3885
GD5000-A1120-06-S	900	108	4800X1200X2720	4268
GD5000-A1250-06-S	1000	120	4800X1200X2660	4408
GD5000-A1400-06-S	1120	135	4800X1200X2660	4758
GD5000-A1600-06-D	1250	154	4650X1500X2660	5058
GD5000-A1800-06-D	1400	173	4650X1500X2720	5610
GD5000-A2000-06-D	1600	192	4650X1500X2720	5810
GD5000-A2240-06-D	1800	216	4650X1500X2720	6060
GD5000-A2500-06-D	2000	241	4650X1500X2720	6560
GD5000-A2800-06-D	2240	269	5800X1200X2820	7550
GD5000-A3150-06-D	2500	303	5800X1200X2820	8350
GD5000-A3550-06-D	2800	342	6400X1200X2820	9750
GD5000-A4000-06-D	3150	385	6800X1200X2820	10000
GD5000-A4500-06-D	3550	433	7400X1200X2820	11600
GD5000-A5000-06-D	4000	481	7400X1200X2820	12000
GD5000-A5600-06-D	4500	539	7600X1200X2820	13180
GD5000-A6300-06-D	5000	606	8200X1500X2820	15510
GD5000-A7500-06-D	6000	722	8200X1500X2820	16110

6.6kV series

Mã biến tần	Công suất định mức (kW)	Dòng ra định mức (A)	Kích thước W*D*H (mm)	Khối lượng (kg)
GD5000-A0400-6.6-S	315	35	4000X1200X2720	3026
GD5000-A0450-6.6-S	355	39	4000X1200X2720	3056
GD5000-A0500-6.6-S	400	44	4000X1200X2720	3096
GD5000-A0560-6.6-S	450	49	4000X1200X2720	3126
GD5000-A0630-6.6-S	500	55	4000X1200X2720	3402
GD5000-A0710-6.6-S	560	62	4000X1200X2720	3482
GD5000-A0800-6.6-S	630	70	4000X1200X2720	3552
GD5000-A0900-6.6-S	710	79	4600X1200X2720	3917
GD5000-A1000-6.6-S	800	87	4600X1200X2720	4017
GD5000-A1120-6.6-S	900	98	4600X1200X2720	4117
GD5000-A1250-6.6-D	1000	109	4650X1500X2650	4597
GD5000-A1400-6.6-D	1120	122	4650X1500X2650	4657
GD5000-A1600-6.6-D	1250	140	4650X1500X2650	5077
GD5000-A1800-6.6-D	1400	157	4650X1500X2650	5301
GD5000-A2000-6.6-D	1600	175	4650X1500X2650	5693
GD5000-A2240-6.6-D	1800	196	4650X1500X2650	6050
GD5000-A2500-6.6-D	2000	219	4650X1500X2650	6284
GD5000-A2800-6.6-D	2240	245	4650X1500X2650	6564
GD5000-A3150-6.6-D	2500	276	5800X1500X2820	8425
GD5000-A3550-6.6-D	2800	311	5800X1500X2820	8725
GD5000-A4000-6.6-D	3150	350	6800X1500X2820	9625
GD5000-A4500-6.6-D	3550	394	6800X1500X2820	10825
GD5000-A5000-6.6-D	4000	437	7400X1500X2820	12975
GD5000-A5600-6.6-D	4500	490	7600X1500X2820	13755
GD5000-A6300-6.6-D	5000	551	7600X1500X2820	14555
GD5000-A7100-6.6-D	5600	620	7600X1500X2820	15355
GD5000-A8000-6.6-D	6300	722	10000X1500X2820	20000

10kV series

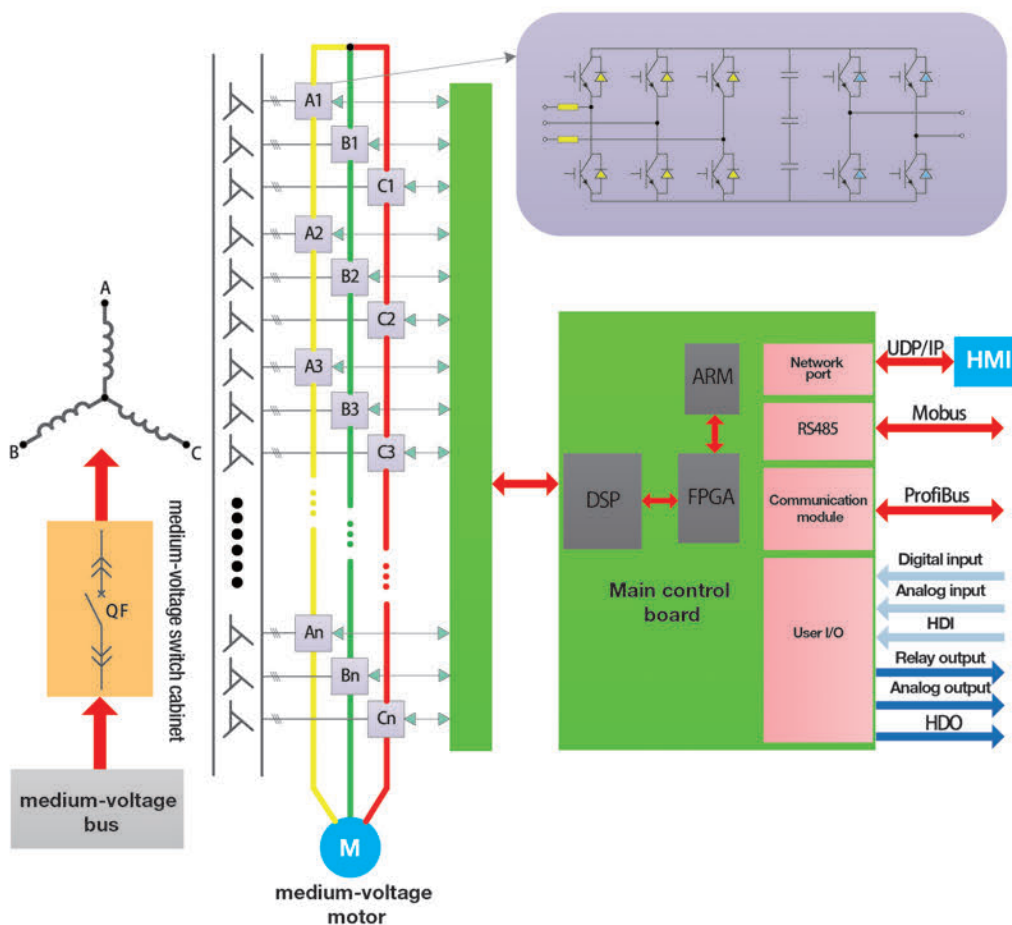
Mã biến tần	Công suất định mức (kW)	Dòng ra định mức (A)	Kích thước W*D*H (mm)	Khối lượng (kg)
GD5000-A0500-10-S	400	29	4600X1200X2660	3550
GD5000-A0560-10-S	450	32	4600X1200X2660	3550
GD5000-A0710-10-S	560	41	4800X1200X2660	3960
GD5000-A0800-10-S	630	46	4800X1200X2720	4070
GD5000-A0900-10-S	710	52	4800X1200X2720	4366
GD5000-A1000-10-S	800	58	4800X1200X2660	4426
GD5000-A1120-10-S	900	65	4800X1200X2660	4776
GD5000-A1250-10-S	1000	72	4800X1200X2660	4976
GD5000-A1400-10-S	1120	81	5200X1200X2720	5271
GD5000-A1600-10-S	1250	92	5200X1200X2720	5421
GD5000-A1700-10-S	1400	98	5200X1200X2720	5621
GD5000-A2000-10-S	1600	115	5800X1200X2720	6481
GD5000-A2240-10-S	1800	129	6200X1500X2720	6876
GD5000-A2500-10-S	2000	144	6200X1500X2720	7276
GD5000-A2800-10-D	2240	162	5050X1500X2720	7576
GD5000-A3150-10-D	2500	182	5050X1500X2720	8210
GD5000-A3550-10-D	2800	205	5050X1500X2720	9310

Mã biến tần	Công suất định mức (kW)	Dòng ra định mức (A)	Kích thước W*D*H (mm)	Khối lượng (kg)
GD5000-A4000-10-D	3150	231	5050X1500X2720	10030
GD5000-A4500-10-D	3550	260	7000X1500X2820	10960
GD5000-A5000-10-D	4000	289	7000X1500X2820	11260
GD5000-A5600-10-D	4500	323	7200X1500X2820	11940
GD5000-A6300-10-D	5000	364	8000X1500X2820	14340
GD5000-A7100-10-D	5600	410	8800X1500X2820	15990
GD5000-A7500-10-D	6000	433	11200X1500X2820	19880
GD5000-A8000-10-D	6300	462	11200X1500X2820	21080
GD5000-A9000-10-D	7100	520	11200X1500X2820	22280
GD5000-A10000-10-D	8000	577	11200X1500X2820	23080
GD5000-A11200-10-D	9000	647	12000X1500X2820	26020
GD5000-A12500-10-D	10000	722	12000X1500X2820	26820

11kV series

Mã biến tần	Công suất định mức (kW)	Dòng ra định mức (A)	Kích thước W*D*H (mm)	Khối lượng (kg)
GD5000-A0500-11	400	26	4800X1200X2720	3699
GD5000-A0560-11	450	29	4800X1200X2720	3749
GD5000-A0630-11	500	33	4800X1200X2720	3849
GD5000-A0710-11	560	37	5000X1200X2720	4129
GD5000-A0800-11	630	42	5000X1200X2720	4179
GD5000-A0900-11	710	47	5000X1200X2720	4279
GD5000-A1000-11	800	52	5000X1200X2660	4608
GD5000-A1120-11	900	59	5000X1200X2660	4918
GD5000-A1250-11	1000	66	5000X1200X2660	5118
GD5000-A1400-11	1120	73	5000X1200X2660	5368
GD5000-A1600-11	1250	84	5400X1200X2720	5503
GD5000-A1800-11	1400	94	5400X1200X2720	5843
GD5000-A2000-11	1600	105	4650X1500X2650	5906
GD5000-A2240-11	1800	118	4650X1500X2650	6211
GD5000-A2500-11	2000	131	5050X1500X2650	6656
GD5000-A2800-11	2240	147	5050X1500X2650	6977
GD5000-A3150-11	2500	165	5050X1500X2650	7219
GD5000-A3550-11	2800	186	5050X1500X2650	8355
GD5000-A4000-11	3150	210	5050X1500X2650	8619
GD5000-A4500-11	3550	236	5050X1500X2650	9698
GD5000-A5000-11	4000	262	7800X1500X2820	12005
GD5000-A5600-11	4500	294	8000X1500X2820	14385
GD5000-A6300-11	5000	331	9000X1500X2820	16885
GD5000-A7000-11	5600	367	9000X1500X2820	17585
GD5000-A8000-11	6300	420	12600X1500X2820	21765
GD5000-A9000-11	7100	472	12600X1500X2820	23265
GD5000-A10000-11	8000	525	12600X1500X2820	25665
GD5000-A11200-11	9000	587	12600X1500X2820	28625
GD5000-A12500-11	10000	656	12600X1500X2820	30555
GD5000-A13500-11	10800	722	12600X1500X2820	33265

Cấu tạo hoạt động ở 4 góc phần tư



Bảng lựa chọn hoạt động ở 4 góc phần tư

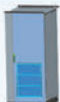
6kV series

Mã biến tần	Công suất định mức (kW)	Dòng ra định mức (A)	Kích thước W*D*H (mm)	Khối lượng (kg)
GD5000-A0315-06	250	30	4400X1200X2660	3190
GD5000-A0355-06	280	34	4400X1200X2660	3240
GD5000-A0400-06	315	38	4400X1200X2660	3370
GD5000-A0450-06	355	43	4400X1200X2660	3420
GD5000-A0500-06	400	48	4400X1200X2660	3470
GD5000-A0560-06	450	54	4400X1200X2660	3520
GD5000-A0630-06	500	61	4800X1200X2660	3890
GD5000-A0710-06	560	68	4800X1200X2660	3990
GD5000-A0800-06	630	77	4800X1200X2660	4090
GD5000-A0900-06	710	87	4800X1200X2660	4290
GD5000-A1000-06	800	96	4800X1200X2660	4540
GD5000-A1120-06	900	108	4800X1200X2720	4755
GD5000-A1250-06	1000	120	4800X1200X2720	4945
GD5000-A1400-06	1120	135	4800X1200X2720	5145
GD5000-A1600-06	1250	154	4800X1200X2720	5345

10kV series

Mã biến tần	Công suất định mức (kW)	Dòng ra định mức (A)	Kích thước W*D*H (mm)	Khối lượng (kg)
GD5000-A0400-10	315	23	5200X1200X2660	3877
GD5000-A0450-10	355	26	5200X1200X2660	3927
GD5000-A0500-10	400	29	5200X1200X2660	4057
GD5000-A0560-10	450	32	5200X1200X2660	4157
GD5000-A0630-10	500	36	5200X1200X2660	4207
GD5000-A0710-10	560	41	5200X1200X2660	4357
GD5000-A0800-10	630	46	5200X1200X2720	4547
GD5000-A0900-10	710	52	5200X1200X2720	4747
GD5000-A1000-10	800	58	5800X1200X2660	5261
GD5000-A1120-10	900	65	5800X1200X2660	5411
GD5000-A1250-10	1000	72	5800X1200X2660	5611
GD5000-A1400-10	1120	81	5800X1200X2720	5921
GD5000-A1600-10	1250	92	5800X1200X2720	6221
GD5000-A1700-10	1400	98	5800X1200X2720	6321
GD5000-A1900-10	1500	110	5800X1200X2720	6797
GD5000-A2000-10	1600	115	5800X1200X2720	6997
GD5000-A2120-10	1700	122	5800X1200X2720	7097
GD5000-A2240-10	1800	129	6200X1500X2720	7392
GD5000-A2500-10	2000	144	6200X1500X2720	7792

Các thiết bị tùy chọn

Tên	Mã sản phẩm	Hình ảnh	Mô tả
Tủ Bypass	GD5000-AS GD5000-MS		Tủ Bypass bằng tay: gồm 2 cầu dao. Tủ Bypass tự động: gồm 2 cầu dao, 3 công tắc tơ.
Tủ chuyển mạch đồng bộ	GD5000-SS		Tích hợp cuộn kháng, sử dụng để chuyển mạch đồng bộ giữa biến tần và điện lưới.
Tủ điều khiển từ xa	GD5000-CB		Được sử dụng để điều khiển từ xa tại chỗ, các chức năng của nút và các thông số hiển thị có thể được tùy chỉnh khi cần thiết.
Card truyền thông	GD5000-DP		Hỗ trợ truyền thông Profibus-DP.
PG card	GD5000-PG		Hỗ trợ loại encoder: push-pull ABZ, vi sai và có ngõ ra collector hở.
Card truyền thông	GD5000 set		Hỗ trợ truyền thông Profinet.
Bộ cách ly Analog	GD5000 set		Cách ly Analog đầu vào và đầu ra tín hiệu của thiết bị, đồng thời tăng cường tính ổn định của hệ thống.
Phần mềm giám sát trên máy tính	INVT Studio		Máy tính có thể điều khiển biến tần gồm các chức năng như chạy/dừng, đọc/ghi tham số, chẩn đoán lỗi và máy hiện sóng. Có thể tùy biến bằng cách sửa đổi các tệp cấu hình tương ứng để đáp ứng các yêu cầu khác nhau của khách hàng.



Giới thiệu

GD5000-L là biến tần trung thể được thiết kế mới của INVT (kích thước nhỏ gọn hơn so với model tiêu chuẩn, cùng chức năng và có hiệu suất cao). Một tủ hoàn chỉnh tích hợp điều khiển, biến áp và bộ công suất giúp vận chuyển, lắp đặt và vận hành dễ dàng. Tích hợp chức năng Bypass bằng tay giúp tiết kiệm không gian phòng chứa MCC

Đặc tính



Kích thước nhỏ gọn
2850 mm *1500 mm *2355mm (L*D*H)



Lắp đặt nhanh chóng
không nối dây bổ sung



Màn hình cảm ứng
HMI tiện lợi



Bảo dưỡng dễ dàng
Một tủ điện cho tất cả biến tần



Màn hình nhiệt độ đa chức năng



Tích hợp hệ thống Bypass
An toàn và linh hoạt

Ứng dụng



Mía đường



Xi măng



Sản xuất Giấy



Hóa chất



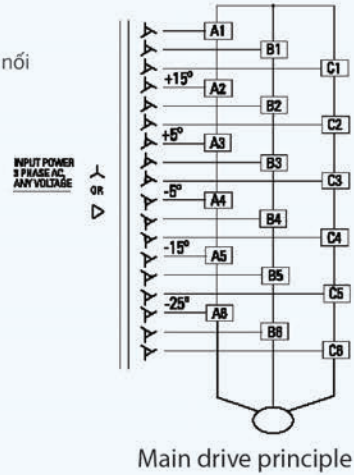
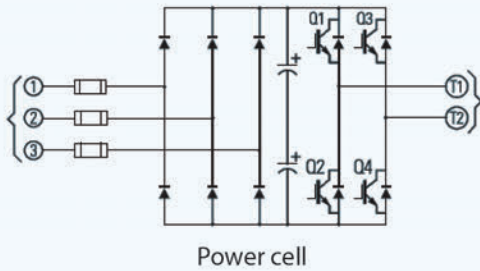
Luyện kim



Dầu khí

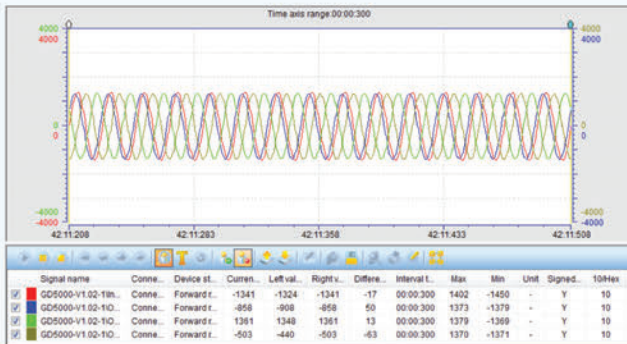
Cấu tạo

Biến tần trung thể tích hợp GD5000-L với biến áp cách ly, ứng dụng kỹ thuật nguồn nối tiếp (power cells) cho ngõ ra MV, thiết kế nhỏ gọn linh hoạt và dễ dàng bảo trì.



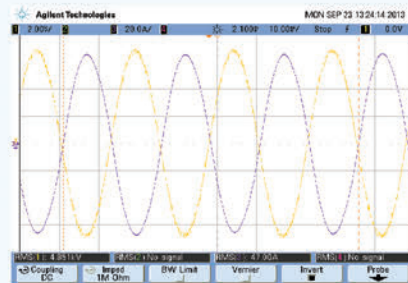
Khả năng quá tải cao

So với các biến tần trung thể thông dụng trên thị trường, Biến tần trung thể tích hợp GD5000-L cho khả năng quá tải cao hơn, với khả năng quá tải 120% dòng định mức trong 120 giây, quá tải 200% dòng định mức bảo vệ ngay lập tức. Khả năng quá tải cao đáp ứng độ tin cậy, độ bền bỉ.



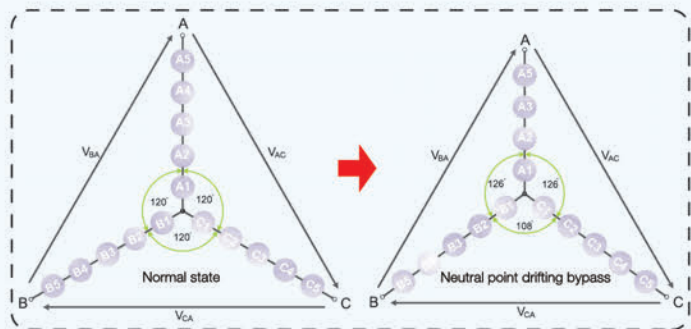
Chất lượng sóng ngõ ra xuất sắc

Với điện áp 3kV, GD5000-L được thiết kế 18 xung cho tổng độ méo sóng hài dòng điện (THD) đầu ra nhỏ hơn 4%. Với điện áp 6.6kV (36 xung) và 10kV (48 xung) cho tổng độ méo sóng hài dòng điện (THD) đầu ra nhỏ hơn 2%. Chất lượng điều khiển độ méo sóng hài xuất sắc, đạt tiêu chuẩn IEEE519-1992, cho dạng sóng ngõ ra gần đạt hoàn hảo.



Công nghệ bypass cell tiên tiến

Với công nghệ tiên tiến, GD5000-L cung cấp 2 phương thức bypass tự động là: bypass cùng cấp và bypass dịch chuyển điểm trung tính. Biến tần vẫn hoạt động khi power unit bị lỗi. Đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.



Đặc tính kỹ thuật

	Điện áp danh định đầu vào	AC 3PH					
		3kV	3.3kV	4.16kV	6kV	6.6kV	10kV
Đầu vào	Dải dao động điện áp	-15%~ + 10% (hỗ trợ tối đa: -35%~ +20%, giảm tải ở đầu ra)					
	Tần số đầu vào	50/60Hz; ±5%					
	Hệ số công suất	≧0.97 (đầy tải)					
	Hiệu suất hệ thống	Hiệu suất chuyển đổi ≥98%, hiệu suất hệ thống ≥96% (đầy tải)					
	Tổng độ méo sóng hài dòng điện đầu vào (THD)	≧4%			≧2%		
Đầu ra	Điện áp đầu ra	0~điện áp định mức đầu vào					
	Tần số đầu ra	0~120Hz (tùy chỉnh)					
	Tổng độ méo sóng hài dòng điện đầu vào (THD)	≧4%			≧2%		
Hiệu suất điều khiển	Chế độ điều khiển	V/F; SVC; VC					
	Độ phân giải điều chỉnh tốc độ	1:50 (VF); 1:100 (SVC); 1:200 (VC)					
	Độ chính xác điều khiển tốc độ	±1% (VF); ±0.4% (SVC); ±0.2% (VC)					
	Đáp ứng Mô-men	<200ms (SVC); <100ms (VC)					
	Mô-men khởi động	0.5Hz 150% mô-men định mức (SVC); 0Hz 180% mô-men định mức (VC)					
	Khả năng quá tải	120%: 120s; 150%: 5s; 200%: bảo vệ ngay lập tức					
	Thời gian tăng/giảm tốc	0-3600s (tùy chỉnh)					
Tín hiệu I/O	Ngõ vào số	8 kênh ngõ vào số (có thể mở rộng và lập trình)					
	Ngõ ra số	8 kênh ngõ ra Relay (có thể mở rộng và lập trình)					
	Ngõ vào Analog	3 kênh: AI1, AI2: 0~10V/0~20mA; AI3: -10V~10V					
	Ngõ ra Analog	4 kênh: AO1, AO2, AO3, AO4: 0~10V/0~20mA					
	Ngõ vào xung tốc độ cao	1 kênh 50kHz					
	Ngõ ra xung tốc độ cao	1 kênh 50kHz					
Chức năng bảo vệ	Bảo vệ hệ thống	Quá dòng, quá áp, quá tải động cơ, quá tải biến tần, mất pha, quá nhiệt, lỗi bộ điều nhiệt độ, lỗi truy cập, lỗi truyền thông, v.v.					
	Bảo vệ Cell công suất	Thiếu áp, quá áp, mất nguồn, quá nhiệt, mất pha đầu vào, lỗi VCE, lỗi nguồn điện, lỗi truyền thông, lỗi Bypass, v.v.					
Tính năng khác	HMI	Màn hình cảm ứng					
	Chế độ truyền thông	Hỗ trợ Modbus(RS485), Profibus, Profinet và Ethernet					
	Phương pháp lắp đặt	Được lắp vào tủ					
	Cấp bảo vệ	IP30					
	Độ ồn	≤75dB					
	Đường cáp điện vào và ra	Vào và ra từ đáy tủ điện, các cấu hình khác theo yêu cầu					
	Làm mát	Làm mát ép buộc bằng không khí					
	MTBF	100000h					
	Nhiệt độ môi trường	-5°C~+40°C, giảm công suất 1.5% cho 1°C nếu nhiệt độ cao hơn 40°C và nhiệt độ tối đa là 50°C; chạy không tải nếu nhiệt độ đạt 60°C.					
	Độ ẩm môi trường	5%~95%, không ngưng tụ					
	Độ cao	Dưới 1000m ; giảm công suất 1% cho từng 100m nếu độ cao trên 1000m					
	Bảo quản	Tránh bụi, nắng chiếu trực tiếp, gas, dầu hoặc hơi nước nóng có khả năng gây nổ hoặc ăn mòn					
Độ rung	dưới 0.59g						

Lựa chọn mã sản phẩm

Cấp điện áp	Model	Công suất định mức (kW)	Dòng ra định mức (A)	Kích thước(mm)	Khối lượng (kg)
3.3kV	GD5000-A0280-3.3-L-06	220	49	2500X1500X2270	1946
	GD5000-A0315-3.3-L-06	250	55	2500X1500X2270	2072
	GD5000-A0355-3.3-L-06	280	62	2500X1500X2330	2112
	GD5000-A0400-3.3-L-06	315	70	2500X1500X2330	2172
	GD5000-A0450-3.3-L-06	355	79	2850X1500X2355	2364
	GD5000-A0500-3.3-L-06	400	87	2850X1500X2355	2444
	GD5000-A0560-3.3-L-06	450	98	2850X1500X2355	2514
	GD5000-A0630-3.3-L-06	500	110	2850X1500X2355	2664
	GD5000-A0710-3.3-L-06	560	124	2850X1500X2355	2714
	GD5000-A0800-3.3-L-06	630	140	2850X1500X2355	2714
6kV	GD5000-A0400-06-L-06	315	38	2500X1500X2270	2255
	GD5000-A0500-06-L-06	400	48	2500X1500X2270	2405
	GD5000-A0560-06-L-06	450	54	2500X1500X2330	2300
	GD5000-A0630-06-L-06	500	61	2500X1500X2330	2385
	GD5000-A0710-06-L-06	560	68	2500X1500X2330	2480
	GD5000-A0800-06-L-06	630	77	2850X1500X2355	2633
	GD5000-A0900-06-L-06	710	87	2850X1500X2355	2713
	GD5000-A1000-06-L-06	800	96	2850X1500X2355	2793
	GD5000-A1120-06-L-06	900	108	2850X1500X2355	2923
	GD5000-A1250-06-L-06	1000	120	2850X1500X2355	3053
6.6kV	GD5000-A1400-06-L-06	1120	135	2850X1500X2355	3243
	GD5000-A0400-6.6-L-06	315	35	2500X1500X2270	2224
	GD5000-A0450-6.6-L-06	355	39	2500X1500X2270	2374
	GD5000-A0500-6.6-L-06	400	44	2500X1500X2330	2374
	GD5000-A0560-6.6-L-06	450	49	2500X1500X2330	2224
	GD5000-A0630-6.6-L-06	500	55	2500X1500X2330	2466
	GD5000-A0710-6.6-L-06	560	62	2500X1500X2330	2561
	GD5000-A0800-6.6-L-06	630	70	2500X1500X2330	2621
	GD5000-A0900-6.6-L-06	710	79	2850X1500X2355	2701
	GD5000-A1000-6.6-L-06	800	87	2850X1500X2355	2781
10kV	GD5000-A1120-6.6-L-06	900	98	2850X1500X2355	2911
	GD5000-A1250-6.6-L-06	1000	109	2850X1500X2355	3041
	GD5000-A1400-6.6-L-06	1120	122	2850X1500X2355	3231
	GD5000-A1600-6.6-L-06	1250	140	2850X1500X2355	3431
	GD5000-A0500-10-L-06	400	29	2500X1500X2270	2622
	GD5000-A0560-10-L-06	450	32	2500X1500X2270	2672
	GD5000-A0710-10-L-06	560	41	2500X1500X2270	2872
	GD5000-A0800-10-L-06	630	46	2500X1500X2270	2922
	GD5000-A0900-10-L-06	710	52	2500X1500X2330	3014
	GD5000-A1000-10-L-06	800	58	2500X1500X2330	3124
	GD5000-A1120-10-L-06	900	65	2500X1500X2330	3244
	GD5000-A1250-10-L-06	1000	72	2500X1500X2330	3324
	GD5000-A1400-10-L-06	1120	81	2850X1500X2355	3343
	GD5000-A1600-10-L-06	1250	92	2850X1500X2355	3573
	GD5000-A1700-10-L-06	1400	98	2850X1500X2355	3663
	GD5000-A2000-10-L-06	1600	115	2850X1500X2355	4093
	GD5000-A2240-10-L-06	1800	129	2850X1500X2355	4323
	GD5000-A2500-10-L-06	2000	144	2850X1500X2355	4578



DAT ra mắt ứng dụng tra cứu hạn bảo hành sản phẩm chính hãng

DAT PORTAL

THÔNG TIN TRONG TẦM TAY BẠN

DAT Portal là một công cụ rất tiện ích do chính DAT tự nghiên cứu và phát triển giúp đối tác và khách hàng đang sử dụng sản phẩm chính hãng do DAT phân phối dễ dàng quản lý, kiểm tra nguồn gốc hàng hóa, lịch sử xuất – nhập kho và thời hạn bảo hành. Chỉ với một chiếc điện thoại thông minh, khách hàng có thể dễ dàng cài đặt và thực hiện các bước tra cứu một cách nhanh chóng.



BƯỚC 1

Tải app DAT Portal trên Apple Store (IOS) hoặc Google Play (Android)



BƯỚC 2

Mở app DAT Portal, chọn “Kiểm tra hạn bảo hành” để quét mã barcode hoặc nhập SeriNo sản phẩm



BƯỚC 3

Quay lại phần “Danh mục” để truy cập website

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT DAT

• Trụ sở chính

B163 Khu phố 3, Nguyễn Văn Quá, P. Đông Hưng Thuận, Q.12, TP.HCM

Email info@dattech.com.vn

Phone (+84) 283 715 7567

Fax (+84) 283 891 6586

• Chi nhánh Hà Nội

Lô 05-10A, KCN Hoàng Mai, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Email info.hanoi@dattech.com.vn

Phone (+84) 243 252 5000

Fax (+84) 243 253 5000

• Chi nhánh Cần Thơ

146 Bùi Quang Trinh, Khu dân cư 586 P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, Cần Thơ

Email info.cantho@dattech.com.vn

Phone (+84) 292 391 7137

Fax (+84) 292 391 7337